

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 4 năm 2021

*“Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Phú Tra.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Giang

Ông Đặng Quang Hoạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 800/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2020 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị Bích Th, sinh năm 1968;

Hộ khẩu thường trú: Thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1966;

Hộ khẩu thường trú: Thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn chị Vũ Thị Bích Th trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn D, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển 01/1998 ngày 05/12/1998.

Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh D không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt mặc dù gia đình đã can thiệp, khuyên bảo nhưng anh D vẫn không thay đổi. Hiện tại, hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Trang Anh T, sinh ngày 18/3/1999 và cháu Nguyễn Vũ Thanh Th, sinh ngày 24/10/2000. Các con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bản việc nên chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc, xét xử nhưng anh D đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị Th và anh D có đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, anh D thường xuyên đi nhậu, không chăm sóc vợ con, không còn tình cảm thương yêu dành cho nhau, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Th và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Trang Anh T, sinh ngày 18/3/1999 và cháu Nguyễn Vũ Thanh Th, sinh ngày

24/10/2000. Các con chung đã thành niên, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: chị Th khai không có nợ chung; về án phí: chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Chị Vũ Thị Bích Th có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D có địa hộ khẩu thường trú tại thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Do đó, chị Th được xác định là nguyên đơn, anh D được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

#### **[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:**

**[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Th và anh D kết hôn vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/1998 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp tại các Điều 5, 6, 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay, chị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D và được Tòa án thụ lý ngày 12/10/2020 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng chị Th và anh D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh D không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt mặc dù gia đình đã can thiệp, khuyên bảo nhưng anh D vẫn không thay đổi, hiện tại hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau là có thật, thể hiện tại lời tường trình của nguyên đơn (bút lục 16), biên bản lấy lời khai của người làm chứng (bút lục 24, 25). Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp quyết định xét xử cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không tham gia phiên tòa để nêu ý kiến của mình, điều này thể hiện anh D đã bỏ mặc, không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu,

*chung Th, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Thực tế, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh D có mâu thuẫn trầm trọng, hai người không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận.*

**[2.2]. Về con chung:** Chị Th và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Trang Anh T, sinh ngày 18/3/1999 và cháu Nguyễn Vũ Thanh Th, sinh ngày 24/10/2000. Các con chung đã thành niên, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**[2.3]. Về tài sản chung:** Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2.4]. Về nợ chung:** Chị Th khai không có nợ chung.

**[3]. Về án phí:** Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

**[4].** Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 6, 7 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Các Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Bích Th.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Bích Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

**2.** Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

**3.** Về tài sản chung: Không có.

**4.** Về nợ chung: Không có.

**5.** Về án phí: chị Vũ Thị Bích Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn

đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005863 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Th đã nộp đủ án phí.

**6.** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- UBND Phường 5, Quận 11, HCM,  
(Giấy CNKH số: 161, ngày 05/12/1998);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;  
*Mẫu 52-DS*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký, đóng dấu)*

**Phạm Phú Tra**